

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 253/2020/DS-PT

Ngày: 22 - 7 - 2020

V/v tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Toàn.

Các Thẩm phán:

Bà Lưu Thị Thu Thủy.

Bà Nguyễn Thị Diệp Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Hồng Chi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Tấn Bảo - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20 và 22 tháng 7 năm 2020, tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 276/2020/TLPT-DS ngày 29 tháng 4 năm 2020 về việc tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 235/2019/DS-ST ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 291/2020/QĐ-PT ngày 25 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Ung Thị N; sinh năm 1955; (Có mặt)

Địa chỉ: khu phố 4, thị trấn VB, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị T; sinh năm 1979; (Có mặt)

Địa chỉ: ấp TP, xã ĐT, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Ung Thị N.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn bà Ung Thị N trình bày:**

Ngày 07/3/2018 âm lịch bà Nguyễn Thị T có vay của bà số tiền 260.000.000 đồng, lãi 10%/tháng để xoay sở gia đình, làm đám cưới con cái, chạy đau bệnh. Đã nhiều lần bà có đến nhà bà T để đòi lại tiền, nhưng bà T cứ hẹn tới hẹn lui không chịu trả cho bà số tiền nào cả. Lúc mượn bà T hẹn trong vòng 3 tháng sẽ hoàn trả vốn và lãi cho bà, nhưng đến nay bà T không thực hiện đúng lời hứa của mình. Nay bà yêu cầu bà T trả lại bà số tiền 260.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày vay 07/3/2018 al đến ngày tòa xét xử sơ thẩm với mức lãi suất cơ bản quá hạn ngân hàng theo quy định của pháp luật, yêu cầu trả vốn và lãi ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

** Bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:*

Vào khoảng tháng 07/2017 âm lịch bà có vay của bà N số tiền 35.000.000 đồng, lần thứ hai khoảng tháng 10/2017 âm lịch vay 16.000.000 đồng và lần cuối cũng là năm 2017 nhưng tháng nào bà không nhớ rõ vay 9.000.000 đồng. Tổng cộng là 60.000.000 đồng. Khi vay thỏa thuận lãi suất là 10%/tháng, mỗi tháng bà trả 100.000 đồng/triệu/tháng, bà hứa sau đám cưới con trai của bà (tháng 01/2018 âm lịch) bà sẽ trả cho bà N số tiền vốn là 16.000.000 đồng, còn lại không có thỏa thuận khi nào trả vốn, chỉ là tới đóng tiền lãi. Bà đã giao cho bà N tổng cộng là 5.000.000 đồng tiền lãi và 100kg lúa với giá 5.000 đồng/kg. Do bà không biết chữ cũng không biết đọc nên mỗi khi lấy tiền là bà N tự viết biên nhận, bà N ghi tên bà bên ngoài rồi bà ghi lại giống vậy trong biên nhận. Đồng thời, bà có lấn tay bằng 01 ngón trỏ phải trong biên nhận, lấn tay bằng lọ nghe, tất cả biên nhận do bà N giữ. Khi bà đóng tiền lãi cũng không có làm giấy tờ gì. Đối với giấy mượn tiền ngày 07/3/2018 âm lịch thì chữ T là do bà ghi, dấu lấn tay là do bà lấn, nhưng trong giấy mượn tiền này có hai màu mực, cụ thể là số tiền và ngày tháng có màu mực khác so với những chỗ khác, bà khẳng định là bà N đã tự điền vào nên bà yêu cầu giám định. Ngoài ra, bà không còn vay của bà N số tiền nào khác.

Tại phiên Tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Ung Thị N vẫn giữ nguyên yêu cầu bà Nguyễn Thị T trả lại bà số tiền là 260.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi của số tiền 260.000.000 đồng từ ngày 07/3/2018 đến ngày tòa xét xử là 19 tháng với mức lãi suất 1%/tháng với số tiền là 59.280.000 đồng, yêu cầu trả vốn và lãi ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T chỉ chấp nhận trả lại bà Ung Thị N số tiền 60.000.000 đồng, không đồng ý trả lãi và xin trả mỗi tháng là 500.000 đồng cho đến khi hết số tiền 60.000.000 đồng.

* Bản án dân sự sơ thẩm số: 235/2019/DS-ST ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng các Điều Điều 233, 235, 259 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 275, 280, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Điều 2 Luật người cao tuổi; điểm d khoản 1 Điều 12, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Ung Thị N.

Buộc bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm trả cho bà Ung Thị N số tiền vay, vốn là 60.000.000 đồng và tiền lãi là 9.312.600 đồng, tổng cộng là 69.312.600 đồng (sáu mươi chín triệu ba trăm mười hai nghìn sáu trăm đồng), ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Ung Thị N về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị T trả số tiền 249.967.400 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về án phí:

+ Bà Nguyễn Thị T phải chịu 3.465.600 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

+ Bà Ung Thị N được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của đương sự.

* Ngày 29 tháng 11 năm 2019, nguyên đơn bà Ung Thị N kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng buộc bị đơn trả đủ tiền vốn 260.000.000 đồng và tiền lời tính từ ngày viết giấy mượn tiền ngày 07/3/2018 âm lịch đến ngày Tòa án xét xử.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà N vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu bà T trả 260.000.000 đồng và tính lãi suất theo quy định pháp luật; Bà T không đồng ý theo yêu cầu kháng cáo của bà N; Các đương sự không thỏa thuận với nhau việc giải quyết vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Kể từ ngày thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Án sơ thẩm giải quyết không buộc bà T trả cho bà N 260.000.000 đồng và tiền lãi là có cơ sở. Bà N kháng cáo chứng minh “Giấy mượn tiền” ngày 07/3/2018 âm lịch do cùng một cây viết viết ra và cùng một màu mực. Tại Kết luận giám định số 4374/C09B ngày 09/10/2019 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Nội dung chữ viết “260.000.000 (Hai trăm sáu chục triệu đồng)” và “07.3.2018 âm” là không cùng màu mực viết, không được viết ra từ cùng một cây viết (bút). Xét về tính hợp pháp của “Giấy mượn tiền” là chưa có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà N, giữ nguyên án sơ thẩm.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Ung Thị N, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1.1] Nguyên đơn bà Ung Thị N và bị đơn bà Nguyễn Thị T thực tế có phát sinh quan hệ vay tài sản nhiều lần. Bà N khởi kiện bà T dựa trên biên nhận tổng kết nợ và ghi nợ bằng “Giấy mượn tiền” ngày 07/3/2018 âm lịch (nhằm ngày 22/4/2018 dương lịch). Bà N cho rằng bà cho bà T vay số tiền 260.000.000 đồng thể hiện trong “Giấy mượn tiền” có dấu vân tay và chữ ký của bà Thúy. Bà N khẳng định toàn bộ chữ viết trong “Giấy mượn tiền” là do bà viết bằng một cây viết.

[1.2] Bà Nguyễn Thị T thừa nhận có lăn tay và ký tên vào giấy mượn tiền do bà N viết, thỏa thuận lãi suất 10%/tháng và hẹn 03 tháng sau sẽ hoàn trả tiền vốn và lãi. Phía bà T cho rằng, chỉ có vay của bà N số tiền 60.000.000 đồng, do không biết chữ nên bà N viết sẵn nội dung, bà T chỉ lăn tay và ký tên, bà T ghi chữ “Thúy” theo chữ của bà N viết sẵn bên ngoài, còn số tiền và ngày trong “Giấy mượn tiền” là do bà N viết vào sau.

[1.3] Tại kết luận giám định số 4374/C09B ngày 09/10/2019 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Nội dung chữ viết

“260.000.000 (Hai trăm sáu chục triệu đồng)” và “07.3.2018 âm lịch” là không cùng màu mực viết, không được viết ra từ cùng một cây viết (bút).

[1.4] Xét thấy, bà T thừa nhận có ký tên và lấn tay vào “Giấy mượn tiền” ngày 07/3/2018 âm lịch (nhằm ngày 22/4/2018 dương lịch). Bà T cho rằng, khi ký, lấn tay thì “Giấy mượn tiền” vẫn còn để trống số tiền và ngày, tháng, năm. Sau đó bà N viết thêm vào, nhưng không có chứng cứ chứng minh. Bà N không thừa nhận có việc để trống số tiền và ngày, tháng, năm như bà T trình bày.

Tại phiên tòa, bà N vẫn cho rằng giấy mượn tiền là do một cây viết (bút) viết ra, cùng thời điểm, nhưng do viết lúc đậm, lúc nhạt nên có khác nhau. Bà T biết có việc để trống số tiền, ngày, tháng, năm nhưng vẫn ký tên và lấn tay. Bà T cứ nghĩ là chỉ nợ bà N khoảng chừng 60.000.000 đồng, chứ không nghĩ nợ bà N 260.000.000 đồng. Bà T cho rằng mình không biết chữ, lẽ ra trước khi ký phải yêu cầu bà N đọc, nghe lại nội dung hoặc nhờ người làm chứng chứng kiến nội dung, sau đó bà T ký tên và lấn tay. Nhưng bà T không thực hiện và không yêu cầu. Cho nên, bà T phải chịu trách nhiệm đối với nội dung mình ký tên và lấn tay. Đồng thời, bà T cũng không có chứng cứ gì chứng minh việc bà N ghi thêm số tiền 260.000.000 đồng và ngày 07/3/2018 âm lịch vào “Giấy mượn tiền”. Phía bà N không thừa nhận. Do đó, bà N khởi kiện yêu cầu bà T trả số tiền 260.000.000 đồng là có cơ sở. Án sơ thẩm nhận định không chấp nhận yêu cầu của bà N là chưa có cơ sở.

[2] Về lãi suất, bà N yêu cầu tính lãi suất từ ngày 07/3/2018 âm lịch (nhằm ngày 22/4/2018 dương lịch) đến khi xét xử sơ thẩm (tức ngày 14/11/2019) với lãi suất theo quy định pháp luật. Xét thấy, theo “Giấy mượn tiền” thể hiện hai bên thỏa thuận lãi suất 10%/tháng. Như đã phân tích trên, bà T còn nợ bà N 260.000.000 đồng, bà T cũng không trả lãi cho bà N. Việc các bên thỏa thuận lãi suất 10%/tháng là vượt quá quy định, nên bà N yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật, tức 1,6%/tháng từ khi vay cho đến khi xét xử sơ thẩm là phù hợp khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Như vậy, lãi suất được tính như sau: 260.000.000 đồng x 1,6% x 18 tháng 21 ngày = 77.610.000 đồng.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Ung Thị N, sửa bản án sơ thẩm.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị giữ nguyên quyết định án sơ thẩm là chưa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[4] Về án phí: Bà N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm. Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 308, Điều 233, 235, 259 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 275, 280, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Căn cứ Điều 2 Luật Người cao tuổi;

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 12, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Ung Thị N.

Sửa bản án sơ thẩm số: 235/2019/DS-ST ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- Phần tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Ung Thị N.

Buộc bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm trả cho bà Ung Thị N số tiền vay, vốn là 260.000.000 đồng và tiền lãi là 77.610.000 đồng, tổng cộng là 337.610.000 đồng.

Thực hiện nghĩa vụ trả tiền khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Về án phí sơ thẩm:

+ Bà Nguyễn Thị T phải chịu 16.880.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

+ Bà Ung Thị N được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Về án phí phúc thẩm: Bà Ung Thị N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, bà N được miễn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm, nên không phải hoàn lại.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án tuyên vào lúc 08 giờ 20 phút, ngày 22/7/2020 có mặt bà N, bà T./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS;
- DSPT-2020-T

Lê Thanh Toàn

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
 - TAND huyện G;
 - Chi cục THADS huyện G;
 - Các đương sự;
 - Lưu: VT, hồ sơ vụ án;
- DSPT-2020-T

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Toàn